

Số: /TBHH-CVHHNT

Khánh Hòa, ngày tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của độ sâu tuyến luồng, vùng quay tàu và khu nước
trước Bến cảng xăng dầu K662

Vùng biển: Khánh Hòa.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Xét Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải 1252/ CTKV3-KHTH ngày 08/9/2026 của Công ty Xăng dầu Quân đội khu vực 3 về việc Công bố thông báo hàng hải định kỳ độ sâu tuyến luồng, vùng quay tàu và khu nước trước Bến cảng xăng dầu K662;

Cảng vụ Hàng hải Nha Trang thông báo về thông số kỹ thuật độ sâu tuyến luồng, vùng quay tàu và khu nước trước Bến cảng xăng dầu K662 như sau:

1. Trong phạm vi tuyến luồng vào vùng quay tàu và khu nước trước bến cảng Xăng dầu K662, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
Tọa độ tìm luồng				
T3'	11 ⁰ 53'15,8"	109 ⁰ 09'23,6"	11 ⁰ 53'12,1"	109 ⁰ 09'30,1"
CT1	11 ⁰ 53'24,8"	109 ⁰ 08'47,1"	11 ⁰ 53'21,1"	109 ⁰ 08'53,5"
TL1	11 ⁰ 53'26,0"	109 ⁰ 08'42,1"	11 ⁰ 53'22,3"	109 ⁰ 08'48,5"
CT2	11 ⁰ 53'29,3"	109 ⁰ 08'38,4"	11 ⁰ 53'25,6"	109 ⁰ 08'44,9"

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
CT3	11 ⁰ 53'33,0"	109 ⁰ 08'34,4"	11 ⁰ 53'29,3"	109 ⁰ 08'40,8"
TL2	11 ⁰ 53'36,8"	109 ⁰ 08'30,3"	11 ⁰ 53'33,1"	109 ⁰ 08'36,7"
VQ1	11 ⁰ 53'42,4"	109 ⁰ 08'28,7"	11 ⁰ 53'38,7"	109 ⁰ 08'35,1"
Tọa độ biên phải luồng				
BP1	11 ⁰ 53'19,5"	109 ⁰ 09'15,7"	11 ⁰ 53'15,8"	109 ⁰ 09'22,1"
BP2	11 ⁰ 53'26,4"	109 ⁰ 08'47,5"	11 ⁰ 53'22,6"	109 ⁰ 08'53,9"
BP3	11 ⁰ 53'30,5"	109 ⁰ 08'39,6"	11 ⁰ 53'26,8"	109 ⁰ 08'46,0"
K08	11 ⁰ 53'37,1"	109 ⁰ 08'32,9"	11 ⁰ 53'33,4"	109 ⁰ 08'39,4"
Tọa độ biên trái luồng				
BT1	11 ⁰ 53'12,6"	109 ⁰ 09'24,9"	11 ⁰ 53'08,9"	109 ⁰ 09'31,3"
BT2	11 ⁰ 53'15,2"	109 ⁰ 09'19,5"	11 ⁰ 53'11,5"	109 ⁰ 09'26,0"
BT3	11 ⁰ 53'24,5"	109 ⁰ 08'41,3"	11 ⁰ 53'20,8"	109 ⁰ 08'47,7"
K09	11 ⁰ 53'35,9"	109 ⁰ 08'28,8"	11 ⁰ 53'32,2"	109 ⁰ 08'35,2"

Độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 6,4m.

2. Trong phạm vi khu nước đậu tàu 10.000DWT, độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 6,1m được giới hạn bởi các điểm có tọa độ theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
K01'	11 ⁰ 53'52,1"	109 ⁰ 08'27,6"	11 ⁰ 53'48,4"	109 ⁰ 08'34,0"
K14	11 ⁰ 53'52,3"	109 ⁰ 08'25,1"	11 ⁰ 53'48,6"	109 ⁰ 08'31,5"
K13	11 ⁰ 53'45,7"	109 ⁰ 08'25,0"	11 ⁰ 53'42,0"	109 ⁰ 08'31,5"
K02	11 ⁰ 53'46,8"	109 ⁰ 08'27,5"	11 ⁰ 53'43,1"	109 ⁰ 08'34,0"

Ngoài ra, có các điểm độ sâu khác tại vị trí có tọa độ sau:

Độ sâu (m)	Toạ độ địa lý		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
5,8	11 ⁰ 53'52,1"	109 ⁰ 08'27,3"	11 ⁰ 53'48,4"	109 ⁰ 08'33,7"
5,8	11 ⁰ 53'47,5"	109 ⁰ 08'25,3"	11 ⁰ 53'43,8"	109 ⁰ 08'31,7"
5,8	11 ⁰ 53'47,1"	109 ⁰ 08'25,4"	11 ⁰ 53'43,4"	109 ⁰ 08'31,8"
5,8	11 ⁰ 53'47,2"	109 ⁰ 08'25,2"	11 ⁰ 53'43,4"	109 ⁰ 08'31,6"
5,9	11 ⁰ 53'47,9"	109 ⁰ 08'25,1"	11 ⁰ 53'43,8"	109 ⁰ 08'31,6"
6,0	11 ⁰ 53'46,4"	109 ⁰ 08'25,3"	11 ⁰ 53'42,7"	109 ⁰ 08'31,8"

3. Trong phạm vi khảo sát Khu nước trước đầu tàu 3.000DWT, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
K03	11 ⁰ 53'46,8"	109 ⁰ 08'28,8"	11 ⁰ 53'43,1"	109 ⁰ 08'35,2"
K04	11 ⁰ 53'52,0"	109 ⁰ 08'28,8"	11 ⁰ 53'48,3"	109 ⁰ 08'35,2"
K05	11 ⁰ 53'52,0"	109 ⁰ 08'30,5"	11 ⁰ 53'48,3"	109 ⁰ 08'36,9"
K06	11 ⁰ 53'48,8"	109 ⁰ 08'30,5"	11 ⁰ 53'45,0"	109 ⁰ 08'36,9"

Độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 4,6m.

4. Trong phạm vi khảo sát Khu nước tiếp giáp khu đầu tàu 10.000DWT, 3000DWT được giới hạn bởi các điểm có tọa độ theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
K08	11 ⁰ 53'37,1"	109 ⁰ 08'32,9"	11 ⁰ 53'33,4"	109 ⁰ 08'39,4"
K07	11 ⁰ 53'44,3"	109 ⁰ 08'33,0"	11 ⁰ 53'40,6"	109 ⁰ 08'39,4"
K06	11 ⁰ 53'48,8"	109 ⁰ 08'30,5"	11 ⁰ 53'45,0"	109 ⁰ 08'36,9"
K03	11 ⁰ 53'46,8"	109 ⁰ 08'28,8"	11 ⁰ 53'43,1"	109 ⁰ 08'35,2"
K02	11 ⁰ 53'46,8"	109 ⁰ 08'27,5"	11 ⁰ 53'43,1"	109 ⁰ 08'34,0"

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
K13	11 ⁰ 53'45,7"	109 ⁰ 08'25,0"	11 ⁰ 53'42,0"	109 ⁰ 08'31,5"
K12	11 ⁰ 53'43,7"	109 ⁰ 08'24,3"	11 ⁰ 53'40,0"	109 ⁰ 08'30,7"
K11	11 ⁰ 53'41,1"	109 ⁰ 08'24,3"	11 ⁰ 53'37,4"	109 ⁰ 08'30,7"
K10	11 ⁰ 53'39,1"	109 ⁰ 08'25,7"	11 ⁰ 53'35,3"	109 ⁰ 08'32,2"
K09	11 ⁰ 53'35,9"	109 ⁰ 08'28,8"	11 ⁰ 53'32,2"	109 ⁰ 08'35,2"

Độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 4,3m.

5. Trong phạm vi khảo sát vũng quay tàu tâm VQ1, bán kính R=130m, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
VQ1	11 ⁰ 53'42,4"	109 ⁰ 08'28,7"	11 ⁰ 53'38,7"	109 ⁰ 08'35,1"

Độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 5,6m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tổ chức, cá nhân và tàu thuyền căn cứ Thông báo hàng hải, Bình đồ độ sâu tuyến luồng, vũng quay tàu và khu nước trước Bến cảng nêu trên để điều động tàu vào, rời cảng đảm bảo an toàn.

Ghi chú:

- Số liệu độ sâu tuyến luồng, vũng quay tàu và khu nước trước Bến cảng xăng dầu K662, ký hiệu 61/2026/KSDH K662-01,02, tỷ lệ 1:1000; 1:2000 đo đạc hoàn thành 08/9/2026, được Công ty Xăng dầu Quân đội khu vực 3 cung cấp (đính kèm). Để biết thêm thông tin chi tiết về số liệu độ sâu, đề nghị liên hệ với Công ty Xăng dầu Quân đội khu vực 3.

- Công ty Xăng dầu Quân đội khu vực 3 và Công ty TNHH đầu tư Thương mại Kỹ thuật Xây dựng Sông Thích chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đo đạc, khảo sát đã cung cấp để công bố thông báo hàng hải; đồng thời phải chịu toàn bộ trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra liên quan đến tính chính xác của số liệu đo đạc, khảo sát theo quy định¹./.

¹ Điểm c, khoản 2, Điều 44 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

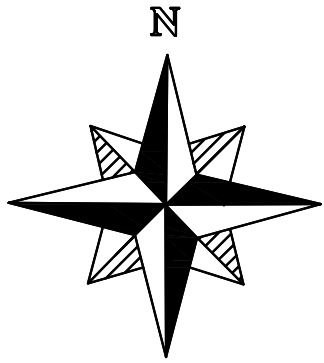
Nơi nhận:

- Cục HH&ĐT Việt Nam (b/c);
- Các Cảng vụ Hàng hải;
- Các Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Tổng công ty BĐATHH Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- BĐATHH Nam Trung Bộ;
- TT PH TKCN HH Khu vực IV;
- Cty TNHH MTV HTHH Miền Nam – CN Hoa tiêu VIII;
- Đài thông tin duyên hải Nha Trang;
- Công ty Xăng dầu Quân đội khu vực 3;
- Công ty TNHH đầu tư Thương mại Kỹ thuật Xây dựng Sông Thích;
- UBND phường Cam Linh, tỉnh Khánh Hòa;
- Các chủ tàu;
- Các tàu thuyền đang hoạt động tại khu vực;
- Các doanh nghiệp cảng tại khu vực;
- Các đại lý hàng hải;
- Giám đốc CVHHNT (b/c);
- Website: <https://cangvuhanghainhatrang.gov.vn/>;
- Lưu: VT, ATANHH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trương Cao Dũng

BÌNH ĐỒ ĐỘ SÂU VÙNG QUAY TÀU, KHU NƯỚC TIẾP GIÁP KHU ĐẬU TÀU VÀ KHU ĐẬU TÀU BẾN CẢNG XĂNG DẦU K662



GRAPHIC SCALE

(IN METERS)

1 : 1000

BÌNH ĐỒ ĐỘ SÂU VÙNG QUAY TÀU, KHU NƯỚC TIẾP GIÁP KHU ĐẬU TÀU VÀ KHU ĐẬU TÀU BẾN CẢNG XĂNG DẦU K662						
Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000, L ₀ = 108°00', múi chiếu = 3°			Hệ tọa độ WGS-84		
	Tọa độ vuông góc	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	Tọa độ địa lý	
	X (m)	Y (m)	B (N)	L (E)	B (N)	L (E)
KHU NƯỚC ĐẬU TÀU 10.000DWT						
K01'	1315904.24	624298.73	11°53'52.1"	109°08'27.6"	11°53'48.4"	109°08'34.0"
K14	1315909.99	624223.10	11°53'52.3"	109°08'25.1"	11°53'48.6"	109°08'31.5"
K13	1315705.72	624223.20	11°53'45.7"	109°08'25.0"	11°53'42.0"	109°08'31.5"
K02	1315740.06	624298.20	11°53'46.8"	109°08'27.5"	11°53'43.1"	109°08'34.0"
KHU NƯỚC ĐẬU TÀU 3.000DWT						
K03	1315740.06	624335.77	11°53'46.8"	109°08'28.8"	11°53'43.1"	109°08'35.2"
K04	1315900.30	624335.92	11°53'52.0"	109°08'28.8"	11°53'48.3"	109°08'35.2"
K05	1315900.06	624386.42	11°53'52.0"	109°08'30.5"	11°53'48.3"	109°08'36.9"
K06	1315800.75	624386.42	11°53'48.8"	109°08'30.5"	11°53'45.0"	109°08'36.9"
KHU NƯỚC TIẾP GIÁP KHU ĐẬU TÀU 10.000DWT, 3.000DWT						
K08	1315443.58	624463.19	11°53'37.1"	109°08'32.9"	11°53'33.4"	109°08'39.4"
K07	1315663.47	624463.19	11°53'44.3"	109°08'33.0"	11°53'40.6"	109°08'39.4"
K06	1315800.75	624386.42	11°53'48.8"	109°08'30.5"	11°53'45.0"	109°08'36.9"
K03	1315740.06	624335.77	11°53'46.8"	109°08'28.8"	11°53'43.1"	109°08'35.2"
K02	1315740.06	624298.20	11°53'46.8"	109°08'27.5"	11°53'43.1"	109°08'34.0"
K13	1315705.72	624223.20	11°53'45.7"	109°08'25.0"	11°53'42.0"	109°08'31.5"
K12	1315644.80	624201.25	11°53'43.7"	109°08'24.3"	11°53'40.0"	109°08'30.7"
K11	1315564.79	624201.25	11°53'41.1"	109°08'24.3"	11°53'37.4"	109°08'30.7"
K10	1315502.36	624244.55	11°53'39.1"	109°08'25.7"	11°53'35.3"	109°08'32.2"
K09	1315404.96	624338.73	11°53'35.9"	109°08'28.8"	11°53'32.2"	109°08'35.2"
VÙNG QUAY TÀU TẦM VQ1, BÀN KÍNH 130M						
VQ1	1315605.68	624333.25	11°53'42.4"	109°08'28.7"	11°53'38.7"	109°08'34.1"

GHI CHÚ

- Bình đồ do Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Kỹ thuật Xây dựng Sông Tích do đạc tháng 08 năm 2026.
- Cao độ bản vẽ là m (Hệ Hải đồ).
- Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°00', múi chiếu 3°.

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY XĂNG DẦU QUÂN ĐỘI KHU VỰC 3

ĐẠI TÁ NGUYỄN HỒNG THẮNG

CÔNG TRÌNH:

KHẢO SÁT, LẬP BÌNH ĐỒ ĐỘ SÂU TUYẾN LUỒNG, VÙNG QUAY TÀU VÀ KHU NƯỚC TRƯỚC BẾN CẢNG XĂNG DẦU K662

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ ĐỘ SÂU VÙNG QUAY TÀU, KHU NƯỚC TIẾP GIÁP KHU ĐẬU TÀU VÀ KHU ĐẬU TÀU BẾN CẢNG XĂNG DẦU K662

HẠNG MỤC:

KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH

BỘN VI TỰ VẤN:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT XÂY DỰNG SÔNG TÍCH

CNKS	VŨ NGỌC HIẾN	
KỸ THUẬT	PHẠM VĂN HẬU	
NỘI NGHIỆP	NGUYỄN HẢI THƯỜNG	
KCS	VŨ NGỌC HIẾN	

Hải Phòng, tháng 09 năm 2026

TỶ LỆ	KY HIỆU HỒ SƠ	SỐ BẢN VẼ
1:1000	611202BKSH	K002_01
LẦN	NGÀY THÁNG	NỘI DUNG CẬP NHẬT
1	-	-
2	-	-
3	-	-

